

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ các học phần Giáo dục thể chất đối với sinh viên các khóa đào tạo trình độ đại học hình thức Vừa làm vừa học, đào tạo Từ xa – Đợt tháng 9 năm 2026

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 160/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 09 tháng 01 năm 2025 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Tài chính – Marketing ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-ĐHTCM-HĐT ngày 28 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Tài chính – Marketing;

Căn cứ Quyết định số 1351/QĐ-ĐHTCM ngày 26 tháng 7 năm 2021 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học hình thức Vừa làm vừa học tại Trường Đại học Tài chính - Marketing;

Căn cứ Quyết định số 288/QĐ-ĐHTCM ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế đào tạo Từ xa trình độ đại học tại Trường Đại học Tài chính - Marketing;

Theo đề nghị của Viện trưởng Viện Đào tạo thường xuyên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ các học phần Giáo dục thể chất đối với **511 sinh viên** các khóa đào tạo trình độ đại học hình thức Vừa làm vừa học, đào tạo Từ xa đợt tháng 9 năm 2026 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Sinh viên căn cứ vào danh sách công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ các học phần Giáo dục thể chất để đăng ký học bổ sung học phần (đối với sinh viên phải học bổ sung học phần) để tích lũy đủ các học phần quy định cho môn Giáo dục thể chất.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Phòng KTQLCL;
- Lưu: VT, ĐTTX (03b), (PTDL-03b). ✓



Phạm Tiến Đạt

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Bóng chuyền	Bóng rổ	Bóng bàn	Bóng đá	Bơi lội	Cầu lông	Điền kinh	Muay thai	TD ND	Viết võ đạo	Viết võ đạo NC	Kết quả
30	2472310222	Trần Thị Khánh Chi	20/10/1986	24X.DTA3.1.LTT												Đạt
31	2472310223	Thái Mỹ Phụng	20/03/1999	24X.DTA3.1.ILFM												Đạt
32	2472310225	Nguyễn Hoàng Trọng An	06/10/1998	24X.DTA3.1.ILFM												Đạt
33	2561401022	Hứa Thị Thu Thủy	29/12/1997	25V.CKT21.3NK												Đạt
34	2561404017	Lê Trần Hoài Nam	18/07/1996	25V.CTC21.3NK		x										Học bổ sung 2TC
35	2561407008	Nguyễn Phước Bảo	20/06/2003	25V.CMA21.3NK2		x			x							Học bổ sung 1TC
36	2561407150	Nguyễn Thị Yến Vy	08/09/2004	25V.CMA21.3NK1		x			x							Học bổ sung 1TC
37	2562019005	Lê Trung Kiên	02/05/2002	25V.DKT11.3TN												Đạt
38	2562041004	Vũ Anh Hoàng Sơn	28/02/1995	25V.DTC11.1NK												Đạt
39	2562059003	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	13/01/2002	25V.DTC11.3TN												Đạt
40	2562074005	Trần Thị Hồng Nhung	08/02/2003	25V.DMA11.4NK												Đạt
41	2562074010	Nguyễn Thị Thủy	08/05/2001	25V.DMA11.4NK												Đạt
42	2563012010	Nguyễn Thị Thu Phương	30/09/1995	25V.CKT21.2NK												Đạt
43	2563012018	Nguyễn Ngọc Anh	01/05/1997	25V.CKT21.2NK				x		x						Đạt
44	2563019001	Lê Huỳnh Tâm	25/05/2000	25V.CKT21.3TN		x			x							Học bổ sung 1TC
45	2563019003	Nguyễn Thị Thùy Linh	17/04/2002	25V.CKT21.3TN		x			x							Học bổ sung 1TC
46	2563019004	Trương Thảo Nguyên	02/02/2003	25V.CKT21.3TN		x			x							Học bổ sung 1TC
47	2563019005	Lê Anh Nhân	20/04/1993	25V.CKT21.3TN		x			x		x					Đạt
48	2563019006	Lại Ngọc Trâm	11/10/2004	25V.CKT21.3TN												Đạt
49	2563019011	Nguyễn Ái Hậu	09/05/1996	25V.CKT21.3TN					x		x					Học bổ sung 1TC
50	2563019013	Lê Thị Mỹ Hương	08/08/1987	25V.CKT21.3TN		x			x							Học bổ sung 1TC
51	2563041008	Võ Thị Mỹ Huyền	12/02/2003	25V.CTC21.1NK		x			x							Học bổ sung 1TC
52	2563041017	Ngô Thanh Tuyền	22/02/1992	25V.CTC21.1NK		x			x		x					Đạt
53	2563041026	Nguyễn Ngọc Duy	13/04/1996	25V.CTC21.1NK												Đạt
54	2563041032	Lê Trọng Hưng	25/01/1992	25V.CTC21.1NK							x					Học bổ sung 2TC
55	2563042001	Lê Bích Ngọc Diễm	13/05/2001	25V.CTC21.1NK		x			x							Học bổ sung 1TC
56	2563059006	Trần Thị Thùy Trang	26/11/1991	25V.CTC21.3TN												Đạt
57	2563059012	Nguyễn Thị Thảo My	22/08/2004	25V.CTC21.3TN												Đạt
58	2563062008	Nguyễn Nhật Linh	24/01/1999	25V.CQT21.2NK	x						x					Học bổ sung 1TC
59	2563062040	Phan Thị Mỹ Dung	02/04/2004	25V.CQT21.2NK					x		x					Học bổ sung 1TC
60	2563062044	Cao Đức Đạt	04/03/2003	25V.CQT21.2NK					x		x					Học bổ sung 1TC
61	2563062045	Trần Hương Trà	14/03/2003	25V.CQT21.2NK		x			x							Học bổ sung 1TC
62	2563072008	Nguyễn Công Hậu	25/01/2002	25V.CMA21.2NK1					x		x					Học bổ sung 1TC
63	2563072012	Võ Thị Giang Khánh	15/10/2004	25V.CMA21.2NK1		x			x							Học bổ sung 1TC
64	2563072019	Hứa Mỹ Ngọc	20/01/2002	25V.CMA21.2NK1					x		x					Học bổ sung 1TC

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Bóng chuyền	Bóng rổ	Bóng bàn	Bóng đá	Bơi lội	Cầu lông	Điền kinh	Muay thái	TD ND	Viết võ đạo	Viết võ đạo NC	Kết quả
65	2563072023	Nguyễn Thị Hồng Nhung	10/09/1990	25V.CMA21.2NK1												Đạt
66	2563072030	Lê Văn Tiến	26/03/2003	25V.CMA21.2NK1					x		x					Học bổ sung 1TC
67	2563072034	Ngô Thị Ánh Tuyết	12/08/2003	25V.CMA21.2NK1						x	x					Học bổ sung 1TC
68	2563072053	Võ Thị Loan Anh	24/10/2004	25V.CMA21.2NK2					x		x					Học bổ sung 1TC
69	2563072096	Nguyễn Huỳnh Nuy	13/08/2004	25V.CMA21.2NK2		x					x					Học bổ sung 1TC
70	2563122010	Vòng Thanh Trâm	19/11/1995	25V.CKQ21.2NK		x			x		x					Đạt
71	2563401001	Trần Thị Trị An	24/05/2002	25V.CKT21.4NK		x			x							Học bổ sung 1TC
72	2563401002	Nguyễn Thị Hoàng Ánh	29/08/2004	25V.CKT21.4NK		x					x					Học bổ sung 1TC
73	2563401003	Nguyễn Thị Ngọc Hân	16/01/1999	25V.CTC21.4NK		x					x					Học bổ sung 1TC
74	2563401022	Nguyễn Thị Quỳnh Giang	28/03/1998	25V.CKT21.4NK		x			x		x					Đạt
75	2563404006	Trần Lê Ánh Ngọc	20/10/2005	25V.CTC21.4NK					x		x					Học bổ sung 1TC
76	2563404008	Lê Hữu Tài	05/09/2005	25V.CTC21.4NK							x					Học bổ sung 2TC
77	2563404010	Lê Thị Mỹ Thắm	14/03/2003	25V.CTC21.4NK		x			x							Học bổ sung 1TC
78	2563404017	Mạch Lê Quỳnh Châu	05/01/2005	25V.CTC21.4NK		x			x							Học bổ sung 1TC
79	2563404018	Nguyễn Thị Thủy Tiên	15/10/2005	25V.CTC21.4NK		x			x							Học bổ sung 1TC
80	2563406008	Nguyễn Thanh Ngọc	09/12/2005	25V.CQT21.4NK						x	x					Học bổ sung 1TC
81	2563406010	Tô Nguyễn Thảo Sương	27/02/2005	25V.CQT21.4NK						x	x					Học bổ sung 1TC
82	2563406011	Đinh Tấn Tài	26/10/2000	25V.CQT21.4NK						x	x					Học bổ sung 1TC
83	2563406014	Nguyễn Ngọc Yến	17/10/1999	25V.CQT21.4NK					x		x					Học bổ sung 1TC
84	2563406015	Ngô Hoàng Thiên Ân	11/01/1996	26X.CQT-K5.1		x					x					Học bổ sung 1TC
85	2563407001	Trương Hoàng Anh	20/01/2004	25V.CMA21.4NK.2		x			x							Học bổ sung 1TC
86	2563407016	Lê Hoàng Hương	25/09/1993	25V.CMA21.4NK.1												Đạt
87	2563407018	Đỗ Trịnh Gia Kiệt	31/03/2005	25V.CMA21.4NK.2		x			x							Học bổ sung 1TC
88	2563407026	Bùi Lê Trung Nguyên	22/03/2004	25V.CMA21.4NK.1					x		x					Học bổ sung 1TC
89	2563407030	Đinh Thị Kim Nhung	11/07/2001	25V.CMA21.4NK.1		x					x					Học bổ sung 1TC
90	2563407033	Nguyễn Bình Phương Quyên	04/04/2005	25V.CMA21.4NK.2							x					Học bổ sung 2TC
91	2563407037	Nguyễn Bình Phương Quyên	29/04/2004	25V.CMA21.4NK.1		x			x							Học bổ sung 1TC
92	2563407040	Trịnh Thị Tuyết	20/11/2004	25V.CMA21.4NK.1		x					x					Học bổ sung 1TC
93	2563407042	Phạm Thị Thu Thảo	05/10/2003	25V.CMA21.4NK.2		x			x							Học bổ sung 1TC
94	2563407044	Huỳnh Hữu Thắng	30/01/2004	25V.CMA21.4NK.2		x			x							Học bổ sung 1TC
95	2563407052	Nguyễn Phương Yến	01/07/2005	25V.CMA21.4NK.1		x			x							Học bổ sung 1TC
96	2563407056	Lương Thị Ngân Hà	11/09/2003	25V.CMA21.4NK.1		x					x					Học bổ sung 1TC
97	2563407066	Nguyễn Thị Phương Trâm	12/04/2000	25V.CMA21.4NK.1					x		x					Học bổ sung 1TC
98	2563407070	Nguyễn Thị Tường Vy	19/02/2004	25V.CMA21.4NK.2					x		x					Học bổ sung 1TC
99	2563407082	Phan Thị Thu Uyên	23/07/2003	25V.CMA21.4NK.2		x					x					Học bổ sung 1TC

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Bóng chuyền	Bóng rổ	Bóng bàn	Bóng đá	Bơi lội	Cầu lông	Điền kinh	Muay thái	TD NĐ	Việt võ đạo	Việt võ đạo NC	Kết quả
135	2572104129	Phạm Nhựt Anh	26/10/2002	25X.DTA4.2												
136	2572104131	Bùi Viết Bình	20/07/1980	25X.DTA4.2												Đạt
137	2572104142	Phạm Thị Châu Hiền	20/09/1994	25X.DTA4.2												Đạt
138	2572104158	Nguyễn Công Ngon	06/09/2001	25X.DTA4.2.HVHC												Đạt
139	2572104162	Hà Cao Tấn Phát	15/04/1996	25X.DTA4.2.HVHC												Đạt
140	2572104195	Nguyễn Tấn Lộc	10/04/1983	25X.DTA4.2												Đạt
141	2572104196	Phùng Châu Lợi	16/12/1991	25X.DTA4.2					x		x					Học bổ sung ITC
142	2572104204	Trịnh Hồng Minh Tân	21/05/1994	25X.DTA4.2												Đạt
143	2572104206	Nguyễn Vi Bích Tuyền	25/07/1998	25X.DTA4.2.SV							x					Học bổ sung ITC
144	2572104210	Nguyễn Thụy Ngọc Trang	18/06/1992	25X.DTA4.2												Đạt
145	2572104217	Nguyễn Thị Oanh Oanh	31/05/2000	25X.DTA4.2.SV												Đạt
146	2572104230	Trần Lê Ninh	09/04/1978	25X.DTA4.2.ILFM												Đạt
147	2572104249	Dương Thiên Lý	29/09/1985	25X.DTA4.2.ILFM												Đạt
148	2572104257	Âu Thị Mỹ Hoa	31/01/2003	25X.DTA4.2.SV												Đạt
149	2572104260	Ngô Thị Bích Liên	20/06/1978	25X.DTA4.2												Đạt
150	2572104261	Phan Yến Linh	31/07/1997	25X.DTA4.2.SV												Đạt
151	2572104272	Hoàng Linh	30/11/1994	25X.DTA4.2												Đạt
152	2572104289	Nguyễn Đức Lưu	21/11/1984	25X.DTA4.2.ILFM												Đạt
153	2573011009	Nguyễn Thị Nhật Lệ	14/06/1999	25X.CKT-K1.2												Đạt
154	2573011014	Nguyễn Thị Mai	22/04/1994	25X.CKT-K1.2												Đạt
155	2573011016	Nguyễn Thị Kim Ngân	13/02/1994	25X.CKT-K1.2							x					Học bổ sung 2TC
156	2573011040	Nguyễn Thị Mãi	19/12/1991	25X.CKT-K1.2												Đạt
157	2573011043	Nguyễn Thị Thủy Tiên	25/04/1993	25X.CKT-K1.2												Đạt
158	2573011046	Hồ Minh Thư	31/3/2004	25X.CKT-K1.2												Đạt
159	2573011048	Vương Thị Tổ Uyên	28/12/1988	25X.CKT-K1.2					x		x					Học bổ sung ITC
160	2573011053	Trần Thị Mỹ Linh	01/07/1995	25X.CKT-K1.2												Đạt
161	2573011058	Hồ Thị Thanh	23/06/1995	25X.CKT-K1.2							x					Học bổ sung 2TC
162	2573011059	Lê Huỳnh Hiếu Thảo	05/03/2004	25X.CKT-K1.2					x		x					Học bổ sung ITC
163	2573011063	Huỳnh Thị Mỹ Trinh	22/07/1984	25X.CKT-K1.2							x					Học bổ sung 2TC
164	2573011065	Nguyễn Thị Thanh Xuân	03/07/1991	25X.CKT-K1.2					x		x					Học bổ sung ITC
165	2573061002	Trần Thị Lan Anh	15/05/1992	25X.CQT-K1.2												Đạt
166	2573061007	Lê Thị Mỹ Hạnh	01/09/1992	25X.CQT-K1.2												Đạt
167	2573061013	Phạm Nguyễn Duy Khoa	28/02/2000	25X.CQT-K1.2												Đạt
168	2573061021	Trần Huyền Lê Quyền	21/02/2000	25X.CQT-K1.2					x		x					Học bổ sung ITC
169	2573061078	Nguyễn Minh Vương	17/05/2000	25X.CQT-K1.2		x			x		x					Học bổ sung ITC
																Học bổ sung 2TC

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Bóng chuyền	Bóng rổ	Bóng bàn	Bóng đá	Bơi lội	Cầu lông	Điền kinh	Muay thai	TD ND	Việt vô đạo	Việt vô đạo NC	Kết quả
205	2671013063	Hà Hồ Thế Vinh	14/07/2000	26X.DKT-K5.3QN												Đạt
206	2671043020	Nguyễn Trung Thành	18/10/2005	26X.PTC-K5.3												Đạt
207	2671062002	Đỗ Ngọc Cường	25/07/1996	26X.DQT-K5.2												Đạt
208	2671062003	Lê Thị Thanh Chi	27/11/1997	26X.PQT-K5.2												Đạt
209	2671062023	Nguyễn Thị Hiếu Vân	25/6/1995	26X.DQT-K5.2												Đạt
210	2671062046	Hồ Công Hiền	11/06/1996	26X.DQT-K5.2												Đạt
211	2671062065	Trần Anh Đức King	24/05/1993	26X.PQT-K5.3												Đạt
212	2671062071	Bùi Thị Thanh Trúc	17/02/1999	26X.PQT-K5.3												Đạt
213	2671073002	Nguyễn Thanh Hào	05/01/1997	26X.PMA-K5.3		x			x							Học bổ sung 1TC
214	2671073020	Nguyễn Ngọc Kim Trang	19/10/2001	26X.DMA-K5.3												Đạt
215	2671073027	Phạm Cao Sang	16/03/1998	26X.PMA-K5.3												Đạt
216	2671123015	Phạm Quang Huy	04/06/2003	26X.DKQ-K5.3												Đạt
217	2671123022	Nguyễn Thị Hồng Nhung	16/01/1998	26X.PKQ-K5.3												Đạt
218	2671123026	Bùi Thư Thư	26/11/2002	26X.DKQ-K5.3												Đạt
219	2671123029	Nguyễn Quang Huy	13/01/1993	26X.DKQ-K5.3												Đạt
220	2671123036	Trần Lê Tường	04/03/1986	26X.DKQ-K5.3												Đạt
221	2671123038	Phan Thị Thu Huyền	08/08/1995	26X.DKQ-K5.3QN												Đạt
222	2672102016	Vũ Thị Khánh Linh	16/04/2003	26X.DTA5.2G												Đạt
223	2672102032	Phạm Thị Huyền Trang	31/05/1988	26X.DTA5.2G												Đạt
224	2673015006	Dương Thị Kim	18/04/1989	26X.CKT-K5.1												Đạt
225	2673015010	Trần Thị Kim Phụng	22/08/2000	26X.CKT-K5.1		x			x							Học bổ sung 1TC
226	2673015012	Nguyễn Thị Anh Phương	28/05/1994	26X.CKT-K5.1		x										Học bổ sung 2TC
227	2673015017	Trịnh Ngọc Trâm	20/02/2002	26X.CKT-K5.1						x	x					Học bổ sung 1TC
228	2673015018	Nguyễn Thái Thiên Trâm	17/07/1991	26X.CKT-K5.1					x		x					Học bổ sung 1TC
229	2673015020	Võ Thị Thảo Trúc	16/10/1995	26X.CKT-K5.1												Đạt
230	2673015025	Mai Kim Cương	09/04/1987	26X.CKT-K5.1												Đạt
231	2673015031	Nguyễn Thị Như Mụi	09/05/2004	26X.CKT-K5.1					x		x					Học bổ sung 1TC
232	2673015032	Nguyễn Thị Ý Nhi	20/11/1992	26X.CKT-K5.1												Đạt
233	2673015039	Phạm Thị Thu Thảo	23/04/1993	26X.CKT-K5.1												Đạt
234	2673015042	Võ Thị Phương Trâm	17/12/1996	26X.CKT-K5.1												Đạt
235	2673015047	Mai Thị Trâm	18/09/1996	26X.CKT-K5.1												Đạt
236	2673015075	Hồ Minh Thùy Trang	04/05/2000	26X.CKT-K5.3												Đạt
237	2673015080	Võ Thị Kim Lệ	27/08/1996	26X.CKT-K5.3QN												Đạt
238	2673015083	Trần Thị Nga	16/10/1991	26X.CKT-K5.3							x					Học bổ sung 2TC
239	2673015084	Ngô Thái Bích Ngọc	25/04/1994	26X.CKT-K5.3						x	x					Học bổ sung 1TC

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Bóng chuyền	Bóng rổ	Bóng bàn	Bóng đá	Bơi lội	Cầu lông	Điền kinh	Muay thái	TD ND	Việt vô đạo	Việt vô đạo NC	Kết quả
240	2673015089	Nguyễn Thị Kim Thoa	10/04/1999	26X.CKT-K5.3												Đạt
241	2673015090	Điền Vũ Thùy Trang	25/10/1993	26X.CKT-K5.3							x					Học bổ sung 2TC
242	2673015091	Lưu Huệ Trâm	12/03/2004	26X.CKT-K5.3						x	x					Học bổ sung 1TC
243	2673015093	Đỗ Thị Minh Nhu	20/08/1991	26X.CKT-K5.3QN												Đạt
244	2673043008	Võ Thanh Thùy	04/08/2004	26X.CTC-K5.3						x	x					Học bổ sung 1TC
245	2673043010	Nguyễn Thị Thùy Trang	26/05/1990	26X.CTC-K5.3							x					Học bổ sung 2TC
246	2673043028	Nguyễn Quốc Vương	01/01/1998	26X.CTC-K5.3												Đạt
247	2673065002	Nguyễn Hoàng Anh	26/6/1994	26X.CQT-K5.1												Đạt
248	2673065010	Trương Thị Phương Hoàng	12/01/1997	26X.CQT-K5.1												Đạt
249	2673065011	Nguyễn Thị Thu Huyền	19/10/1994	26X.CQT-K5.1							x					Học bổ sung 2TC
250	2673065016	Trần Thị Ngọc Loan	08/10/1998	26X.CQT-K5.1							x					Học bổ sung 2TC
251	2673065022	Vòng Phúc Quay	05/07/2000	26X.CQT-K5.1		x			x							Học bổ sung 1TC
252	2673065023	Đinh Thị Mỹ Sương	20/04/1994	26X.CQT-K5.1		x			x							Học bổ sung 1TC
253	2673065026	Nguyễn Duy Thắng	08/06/1995	26X.CQT-K5.1												Đạt
254	2673065028	Phạm Thị Trang	20/02/1994	26X.CQT-K5.1					x		x					Học bổ sung 1TC
255	2673065030	Đỗ Thanh Trúc	18/06/2003	26X.CQT-K5.1												Đạt
256	2673065034	Nguyễn Lê Hà Giang	19/12/2004	26X.CQT-K5.1												Đạt
257	2673065038	Lê Thị Thúy Kiều	01/12/2002	26X.CQT-K5.1					x		x					Học bổ sung 1TC
258	2673065041	Nguyễn Ngọc Ngân Quỳnh	01/01/2003	26X.CQT-K5.1					x		x					Học bổ sung 1TC
259	2673065043	Võ Minh Tinh	06/07/2002	26X.CQT-K5.1					x		x					Học bổ sung 1TC
260	2673065044	Trần Văn Tuấn	05/07/1995	26X.CQT-K5.1												Đạt
261	2673065047	Nguyễn Thị Huyền Trâm	07/06/1991	26X.CQT-K5.1					x		x					Học bổ sung 1TC
262	2673065050	Nghiêm Thị Hồng Vân	04/06/1992	26X.CQT-K5.1					x		x					Học bổ sung 1TC
263	2673065055	Nguyễn Thị Yến	10/01/1997	26X.CQT-K5.1					x		x					Học bổ sung 1TC
264	2673065068	Nguyễn Thị Lê Liên	25/02/1991	26X.CQT-K5.1												Đạt
265	2673065073	Nguyễn Hữu Trí	21/11/1995	26X.CQT-K5.1												Đạt
266	2673065083	Nguyễn Bảo Thái Nguyên	18/03/1996	26X.CQT-K5.3					x		x					Học bổ sung 1TC
267	2673065084	Nguyễn Hoài Nhân	17/07/2004	26X.CQT-K5.3					x		x					Học bổ sung 1TC
268	2673065089	Nguyễn Thị Thùy Vy	05/10/1997	26X.CQT-K5.3												Đạt
269	2673065090	Lê Thị Anh Đào	28/02/2000	26X.CQT-K5.3QN					x		x					Học bổ sung 1TC
270	2673065098	Nguyễn Thị Thanh Tâm	02/02/1995	26X.CQT-K5.3					x		x					Học bổ sung 1TC
271	2673065100	Nguyễn Anh Thu	23/05/1998	26X.CQT-K5.3					x		x					Học bổ sung 1TC
272	2673065101	Lâm Thanh Thuỳ Trang	26/04/1987	26X.CQT-K5.3												Đạt
273	2673065102	Võ Quang Long Triển	19/09/2003	26X.CQT-K5.3					x		x					Học bổ sung 1TC
274	2673065103	Dương Thảo Vy	30/09/1998	26X.CQT-K5.3					x		x					Học bổ sung 1TC

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Bóng chuyền	Bóng rổ	Bóng bàn	Bóng đá	Bơi lội	Cầu lông	Điền kinh	Muay thai	TD ND	Viết võ đạo	Viết võ đạo NC	Kết quả
275	2673073002	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	06/09/1996	26X.CMA-K5.3												Đạt
276	2673073011	Nguyễn Thị Như Quỳnh	14/06/2003	26X.CMA-K5.3						x	x					Học bổ sung 1TC
277	2673073020	Nguyễn Mộng Tường Vy	08/10/1994	26X.CMA-K5.3					x		x					Học bổ sung 1TC
278	2673073029	Bùi Tân Như	13/03/2001	26X.CMA-K5.3					x		x					Học bổ sung 1TC
279	2673073036	Nguyễn Ngọc Thu Trang	03/10/1995	26X.CMA-K5.3							x					Học bổ sung 2TC
280	2673105002	Huỳnh Nhật Bình	30/08/1998	26X.CTA5.1		x					x					Học bổ sung 1TC
281	2673105008	Nguyễn Thị Trúc Linh	23/06/1995	26X.CTA5.1												Đạt
282	2673105018	Lê Tường Vy	24/05/2004	26X.CTA5.1					x		x					Học bổ sung 1TC
283	2673105028	Nguyễn Thị Hoài Ngân	16/08/1996	26X.CTA5.1					x		x					Học bổ sung 1TC
284	2673105029	Khru Hoàng Phi	01/09/1997	26X.CTA5.1												Đạt
285	2673105034	Phạm Võ Thị Như Quỳnh	27/07/1998	26X.CTA5.1												Đạt
286	2673123003	Nguyễn Phương Đông	02/09/2003	26X.CKQ-K5.3						x	x					Học bổ sung 1TC
287	2673123011	Phan Thuỳ Nhân	29/05/1995	26X.CKQ-K5.3												Đạt
288	2673123014	Huỳnh Thị Hồng Trinh	14/08/1995	26X.CKQ-K5.3												Đạt
289	2673123018	Trần Thị Hoa Hồng	12/12/2003	26X.CKQ-K5.3					x		x					Học bổ sung 1TC
290	2673123023	Nguyễn Huỳnh Bích Phượng	08/05/2000	26X.CKQ-K5.3		x					x					Học bổ sung 1TC
291	2673123025	Nguyễn Duy Thống	27/01/2004	26X.CKQ-K5.3		x					x					Học bổ sung 1TC
292	2673043007	Nguyễn Thị Minh Thơ	11/02/1993	26X.CTC-K5.3												Đạt
293	2563407065	Bùi Quốc Thắng	22/07/2004	25V.CMA21.4NK.1		x			x							Học bổ sung 1TC
294	2563406002	Từ Công Dương	26/02/1997	25V.CQT21.4NK												Đạt
295	2661062009	Lâm Sanh Quốc	26/01/1991	26V.PQT22.2NK												Đạt
296	2663012012	Nguyễn Thị Ngọc Trúc	09/12/2003	26V.CKT22.2NK		x				x						Học bổ sung 1TC
297	2573061045	Đỗ Thị Duyên	23/06/1993	25X.CQT-K1.2												Đạt
298	2671073016	Nguyễn Huỳnh Minh Châu	25/12/1997	26X.DMA-K5.3												Đạt
299	2563072105	Lê Văn Tuấn	04/01/2003	25V.CMA21.2NK1		x			x							Học bổ sung 1TC
300	2671062052	Phan Đình Ngọc Hải	27/03/1998	26X.PQT-K5.3												Đạt
301	2572104247	Vũ Thị Lan	20/02/1980	25X.DTA4.2ILFM												Đạt
302	2472310078	Bùi Giang Cát Minh Sơn	29/07/1996	24X.DTA3.1.HCQG												Đạt
303	2571061032	Trịnh Thế Tài	14/03/1993	25X.DQT-K1.2												Đạt
304	2472310136	Dương Ngọc Tuyết Linh	02/09/1977	24X.DTA3.1.HCQG												Đạt
305	2461307183	Nguyễn Nhật Trường	22/08/2005	24V.PMA20.3H1												Đạt
306	2572104174	Phan Duy Thanh	11/03/1996	25X.DTA4.2.SV												Đạt
307	2663072040	Nguyễn Thị Kim Ngân	15/08/2004	26V.CMA22.2NK		x										Học bổ sung 2TC
308	2673043012	Lê Thị Thảo Vy	14/08/1995	26X.CTC-K5.3												Đạt
309	2561404016	Nguyễn Quốc Nam	21/05/2002	25V.CTC21.3NK					x		x					Học bổ sung 1TC

[illegible]

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Bóng chuyền	Bóng rổ	Bóng bàn	Bóng đá	Bơi lội	Cầu lông	Điền kinh	Muay thái	TD ND	Viết võ đạo	Viết võ đạo NC	Kết quả
380	2563012034	Trần Thị Hồng	15/01/2000	25V.CKT21.2NK												Đạt
381	2563012040	Nguyễn Thị Huyền Trang	18/01/1987	25V.CKT21.2NK												Đạt
382	2563012042	Nguyễn Thị Phương Trinh	07/06/2004	25V.CKT21.2NK												Đạt
383	2563012045	Ngô Thùy Linh	15/08/2001	25V.CKT21.2NK												Đạt
384	2563012046	Đặng Nam Nguyễn	24/04/2000	25V.CKT21.2NK												Đạt
385	2563012048	Đỗ Thị Sang	15/02/2000	25V.CKT21.2NK												Đạt
386	2563041003	Dương Thị Thùy Dương	13/02/2004	25V.CTC21.1NK												Đạt
387	2563041009	Trần Diệu Linh	10/09/2001	25V.CTC21.1NK												Đạt
388	2563041015	Lê Phước Toàn	16/09/2001	25V.CTC21.1NK												Đạt
389	2563041016	Lê Thế Tuấn	18/10/2004	25V.CTC21.1NK												Đạt
390	2563041023	Đỗ Thị Như Yến	25/07/1998	25V.CTC21.1NK												Đạt
391	2563041030	Huỳnh Trung Hiếu	24/09/2001	25V.CTC21.1NK												Đạt
392	2563041038	Nguyễn Đào Tú Quyên	19/09/2004	25V.CTC21.1NK												Đạt
393	2563041044	Vũ Thùy Trang	07/10/2003	25V.CTC21.1NK												Đạt
394	2563041045	Nguyễn Đoàn Mai Trâm	07/04/1998	25V.CTC21.1NK												Đạt
395	2563041047	Trần Lâm Trường	10/03/2001	25V.CTC21.1NK												Đạt
396	2563041050	Hồ Vương Vương	06/06/2001	25V.CTC21.1NK												Đạt
397	2563042006	Dương Trần Hạnh	19/08/1999	25V.CTC21.1NK												Đạt
398	2563042021	Nguyễn Vĩnh Trung	12/10/2000	25V.CTC21.1NK												Đạt
399	2563042022	Nguyễn Ngọc Thùy Uyên	09/07/2001	25V.CTC21.1NK												Đạt
400	2563062004	Phạm Thị Hồng Hạnh	11/09/2003	25V.CQT21.2NK												Đạt
401	2563062009	Trần Minh Luân	20/02/2004	25V.CQT21.2NK												Đạt
402	2563062010	Phạm Thị Minh Mẫn	09/07/2004	25V.CQT21.2NK												Đạt
403	2563062016	Lê Thị Thu Thảo	29/01/2004	25V.CQT21.2NK												Đạt
404	2563062019	Nguyễn Thị Thùy Trang	09/04/2003	25V.CQT21.2NK												Đạt
405	2563062021	Hà Thúy Vân	29/10/2003	25V.CKQ21.2NK												Đạt
406	2563062022	Hà Thúy Vi	29/10/2003	25V.CKQ21.2NK												Đạt
407	2563062023	Lê Thị Kim Xuân	23/03/2003	25V.CQT21.2NK												Đạt
408	2563062025	Ngô Hồng Yến	27/07/2001	25V.CQT21.2NK												Đạt
409	2563062039	Trần Thị Tươi	12/09/2003	25V.CQT21.2NK												Đạt
410	2563072003	Lâu Gia Ân	08/03/2004	25V.CMA21.2NK1												Đạt
411	2563072009	Trần Thị Hiền	08/12/2003	25V.CMA21.2NK1												Đạt
412	2563072010	Đàm Tiến Hưng	14/01/2004	25V.CMA21.2NK1												Đạt
413	2563072021	Trần Thị Hồng Nhi	04/10/2004	25V.CMA21.2NK1												Đạt
414	2563072029	Nguyễn Đức Sinh	10/02/2003	25V.CMA21.2NK1												Đạt

[illegible]

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Bóng chuyền	Bóng rổ	Bóng bàn	Bóng đá	Bơi lội	Cầu lông	Điền kinh	Muay thái	TD ND	Việt vô đạo	Việt vô đạo NC	Kết quả
450	2563122012	Lê Bá Thùy Dung	06/04/2003	25V.CKQ21.2NK												Đạt
451	2563122014	Đinh Thanh Thủy Hà	24/01/2003	25V.CKQ21.2NK												Đạt
452	2563122018	Phạm Thị Khánh Vy	06/08/2004	25V.CKQ21.2NK												Đạt
453	2571011011	Trần Thị Thúy Ái	22/02/1988	25X.PKT-K1.2												Đạt
454	2571011017	Quách Nhựt Thiên	26/10/2002	25X.PKT-K1.2												Đạt
455	2571011033	Nguyễn Thị Trang Đài	04/10/1995	25X.PKT-K1.2												Đạt
456	2571011036	Nguyễn Thị Lệ Trinh	10/10/1994	25X.PKT-K1.2												Đạt
457	2571061003	Lê Thị Bảo Châm	08/11/2003	25X.PQT-K1.2												Đạt
458	2571061008	Võ Thị Diễm My	30/10/2003	25X.PQT-K1.2												Đạt
459	2571061017	Trần Kim Tùng	12/05/1995	25X.PQT-K1.2												Đạt
460	2571061019	Trần Vũ Hoài Thu	20/08/2004	25X.PQT-K1.2												Đạt
461	2571061020	Nguyễn Thế Hoài Trang	14/09/1991	25X.PQT-K1.2												Đạt
462	2571061025	Trần Mộng Vi	02/02/1994	25X.PQT-K1.2												Đạt
463	2571061036	Trần Minh Tuấn	04/11/2000	25X.PQT-K1.2												Đạt
464	2571061038	Lê Thị Ngọc Yến	08/01/1981	25X.PQT-K1.2												Đạt
465	2571061040	Dương Ngọc Minh Anh	18/04/2007	25X.PQT-K1.2												Đạt
466	2571061046	Nguyễn Huỳnh Như Ngọc	03/03/2007	25X.PQT-K1.2												Đạt
467	2571061052	Đỗ Minh Duy	17/11/2000	25X.PQT-K1.2												Đạt
468	2572103056	Phan Hữu Tín	03/02/1998	25X.DTA4.3												Đạt
469	2572104036	Đỗ Thị Kim Ngân	10/06/1988	25X.DTA4.1.ILFM												Đạt
470	2572104051	Trương Đình Thương	07/05/1996	25X.DTA4.1.ILFM												Đạt
471	2572104199	Lê Huỳnh Ngân	11/05/2000	25X.DTA4.2.SV												Đạt
472	2572104201	Võ Anh Quyên	27/01/2000	25X.DTA4.2.SV												Đạt
473	2572104208	Trần Quang Thọ	15/09/1973	25X.DTA4.2												Đạt
474	2572104224	Lý Mỹ Duyên	25/08/1999	25X.DTA4.2.ILFM												Đạt
475	2572104239	Lê Phạm Thùy Trang	30/11/1981	25X.DTA4.2.ILFM												Đạt
476	2572104240	Trần Sơn Thu Trang	16/11/1981	25X.DTA4.2.ILFM												Đạt
477	2572104243	Đinh Thị Thanh Truyền	01/04/1982	25X.DTA4.2.ILFM												Đạt
478	2572104271	Trịnh Kim Ngân	29/02/1992	25X.DTA4.2.SV												Đạt
479	2573011020	Nguyễn Thị Phương Thảo	02/01/1995	25X.CKT-K1.2												Đạt
480	2573011022	Nguyễn Thanh Thủy	01/02/2002	25X.CKT-K1.2												Đạt
481	2573011056	Đỗ Nguyễn Kiều Tiên	13/11/1994	25X.CKT-K1.2												Đạt
482	2573011057	Huỳnh Cẩm Tú	02/03/2004	25X.CKT-K1.2												Đạt
483	2573011062	Trần Thị Thanh Thương	03/07/2001	25X.CKT-K1.2												Đạt
484	2573061006	Lê Thị Thanh Giang	04/11/1994	25X.CQT-K1.2												Đạt

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Bóng chuyên	Bóng rổ	Bóng bàn	Bóng đá	Bơi lội	Cầu lông	Điền kinh	Muay thái	TD NĐ	Viết võ đạo	Viết võ đạo NC	Kết quả
485	2573061014	Hoàng Nguyễn Thảo Linh	16/08/1992	25X.CQT-K1.2												Đạt
486	2573061025	Nguyễn Thị Kim Tuyền	04/11/2003	25X.CQT-K1.2												Đạt
487	2573061032	Nguyễn Thị Thùy Trang	19/10/2000	25X.CQT-K1.2												Đạt
488	2573061041	Lăng Chí Cường	16/11/2003	25X.CQT-K1.2												Đạt
489	2573061053	Đỗ Thị Hương Lan	15/03/1998	25X.CQT-K1.2												Đạt
490	2573061057	Huỳnh Ngọc Mai	09/03/2003	25X.CQT-K1.2												Đạt
491	2573061058	Lê Ngọc Minh	13/02/1990	25X.CQT-K1.2												Đạt
492	2573061060	Tạ Nguyễn Anh Phương	14/04/2003	25X.CQT-K1.2												Đạt
493	2573061062	Vũ Hải Quan	12/11/1999	25X.CQT-K1.2												Đạt
494	2573061071	Nguyễn Hữu Đăng Khoa	10/02/1996	25X.CQT-K1.2												Đạt
495	2573061073	Nguyễn Quốc Huy	21/11/2003	25X.CQT-K1.2												Đạt
496	2573061075	Huỳnh Gia Lợi	31/01/2001	25X.CQT-K1.2												Đạt
497	2573061079	Đoàn Minh Tâm	18/01/1996	25X.CQT-K1.2												Đạt
498	2573061090	Vũ Thị Phương	08/10/2001	25X.CQT-K1.2												Đạt
499	2573061092	Phan Anh Tuấn	22/11/1987	25X.CQT-K1.2												Đạt
500	2573061093	Nguyễn Hương Thảo	16/06/1990	25X.CQT-K1.2												Đạt
501	2573104003	Hồ Thị Đào	30/01/1992	25X.CTA4.2												Đạt
502	2573104005	Nguyễn Thị Kim Hiền	29/09/1994	25X.CTA4.2												Đạt
503	2573104007	Nguyễn Minh Hiếu	23/05/2003	25X.CTA4.2												Đạt
504	2573104012	Phạm Nguyễn Hoàng Linh	28/07/1993	25X.CTA4.2												Đạt
505	2573104013	Trần Diệu Linh	13/04/1995	25X.CTA4.2												Đạt
506	2573104016	Phạm Nguyễn Thiên Long	02/12/1998	25X.CTA4.2												Đạt
507	2573104020	Lê Quang Phú	07/09/1994	25X.CTA4.2												Đạt
508	2573104023	Nguyễn Thị Thu Thảo	09/02/1999	25X.CTA4.2												Đạt
509	2573104028	Nguyễn Hồ Thanh Trúc	28/12/2001	25X.CTA4.2												Đạt
510	2573104034	Phạm Phương Ngân	20/02/1999	25X.CTA4.2												Đạt
511	2573104037	Nguyễn Thị Thiên Thủy	19/08/2004	25X.CTA4.2												Đạt

Tổng số danh sách: 511 sinh viên. / *anh*